

Bản án số: 355/2024/DS-PT

Ngày: 28 – 5 - 2024

*V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất và
yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp
đồng.*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Chung Văn Kết

Các Thẩm phán: Ông Phạm Công Mười

Bà Nguyễn Thị Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Thái Thị Linh Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 584/2023/TLPT-DS ngày 06 tháng 10 năm 2023 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2023/DS-ST ngày 13 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2635/2024/QĐPT-HC ngày 03 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:**

1. Ông Trần H, sinh năm 1959 (có mặt).

2. Bà Đoàn Thị T, sinh năm 1957 (có mặt).

Cùng nơi cư trú: Thôn G, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

*** Bị đơn:**

1. Ông Nguyễn L, sinh năm 1944 (vắng mặt).

2. Bà Trần Thị C, sinh năm 1949 (vắng mặt).

3. Ông Nguyễn Tuấn K, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Người đại diện theo uỷ quyền của ông L, bà C, ông K: Bà Đào Thị Diệu T1, sinh năm 1989; Nơi cư trú: 52/28/4B Đường A, khu phố D, phường T, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh. (Văn bản uỷ quyền ngày 13/4/2024 có mặt).

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Trần Minh D, sinh năm 1982 (vắng mặt).
2. Ông Trần Minh D1, sinh năm 1990 (vắng mặt).
3. Ông Trần Minh G, sinh năm 1994 (vắng mặt).

Người đại diện theo uỷ quyền của ông D, ông D1, ông G: Bà Đoàn Thị T, sinh năm 1957 (Văn bản uỷ quyền ngày 30/11/2020, có mặt).

4. Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1988(vắng mặt).

Cùng nơi cư trú: Thôn G, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

5. Ông Nguyễn Tấn Đ, sinh năm 1988 (vắng mặt).

6. Bà Cao Thị V, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Cùng nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà T2, ông Đ, bà V: Bà Đào Thị Diệu T1, sinh năm 1989; Nơi cư trú: 52/28/4B Đường A, khu phố D, phường T, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh. (Văn bản uỷ quyền ngày 13/4/2024 có mặt).

7. Ủy ban nhân dân huyện H

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Ngọc T3 – Chủ tịch (xin xét xử vắng mặt)

** Người kháng cáo:* Bị đơn ông Nguyễn Tuấn K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trần H, bà Đoàn Thị T trình bày:

Vào năm 1994, gia đình ông, bà được Nhà nước giao khoảng 2ha đất tại thôn G, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận để trồng cây theo chương trình PAM nhằm xoá đói giảm nghèo. Ông, bà nhận cây keo lá tràm từ chương trình PAM để trồng nhưng dư đất, phần đất dư ông, bà cho hộ ông L1 (đã chết) trồng. Đối với phần đất đã trồng cây keo lá tràm, ông, bà sử dụng đến năm 2001 thì khai thác cây keo lá tràm. Sau đó, gia đình ông, bà trồng dưa, bí, bầu. Năm 2004, trồng tiếp keo lá tràm. Năm 2016, gia đình ông, bà khai thác keo lá tràm. Tháng 8/2016, gia đình ông Nguyễn Tuấn K đến tranh chấp, ông Nguyễn Tuấn K đã ngang nhiên chặt 06 cây đào 10 năm tuổi và gia đình ông Nguyễn Tuấn K, ông Nguyễn L, bà Trần Thị C chiếm đất sử dụng cho đến nay. Phần đất này gia đình ông, bà đã được Ủy ban nhân dân huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 795769 ngày 16/02/2016, với diện tích là 13.823,1m² đất trồng cây lâu năm.

Tại đơn khởi kiện, ông, bà yêu cầu bị đơn phải tháo dỡ 200 cây keo lá tràm trên đất để trả lại cho gia đình ông, bà diện tích 13.832,1m² đất thuộc thửa 348, tờ bản đồ số 35, tọa lạc tại thôn G, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận số CC795769 do UBND huyện H cấp ngày 16/02/2016. Đồng thời, ông, bà yêu cầu ông Nguyễn Tuấn K phải bồi thường thiệt hại về tài sản cho vợ chồng ông, bà giá trị 06 cây đào mà ông K đã chặt phá với số tiền là 3.000.000 đồng (giá trị 500.000 đồng/cây).

Quá trình giải quyết vụ án, theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc thì diện tích đất tranh chấp thể hiện tại Chinh lý bản đồ vị trí khu đất tranh chấp do Chi nhánh Văn phòng Đ1 đo vẽ và xác nhận ngày 14/7/2022 gồm 2 phần: 10.407,8m² (10.465,1m² – 57,3m²) và 3.175,1m² (3.117,8m² + 57,3m²), trong đó phần diện tích 3.175,1m² hiện do bà Lê Thị B sử dụng và trong phần diện tích 10.408,8m² thì chỉ có 9.588,1m² thuộc thửa 348, tờ bản đồ số 35, tọa lạc tại thôn G, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Do đó, tại phiên tòa, ông, bà chỉ yêu cầu gia đình bị đơn tháo dỡ toàn bộ các tài sản trên phần diện tích 9.588,1m² đất để trả lại cho gia đình ông, bà phần diện tích 9.588,1m² đất này, được giới hạn bởi các mốc tọa độ 3-4-5-6-7-8-12-14-9-17-15-16 theo Chinh lý bản đồ vị trí khu đất tranh chấp do Chi nhánh Văn phòng Đ1 đo vẽ và xác nhận ngày 14/7/2022. Đồng thời, rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với diện tích 3.175,1m² đất mà bà Lê Thị B đang sử dụng và phần yêu cầu ông Nguyễn Tuấn K bồi thường thiệt hại 06 cây đào trị giá 3.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn L, bà Trần Thị C và ông Nguyễn Tuấn K trình bày:

Gia đình ông, bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì nguồn gốc diện tích đất tranh chấp do ông Nguyễn L, bà Trần Thị C khai hoang vào năm 1978, sử dụng trồng khoai, đậu, dưa. Đến năm 1994-1995 có chương trình trồng PAM thì chính quyền địa phương lấy đất cấp cho hộ ông Trần H, thời điểm đó UBND xã H kết hợp với thôn tổ chức cuộc họp nhưng không có giấy tờ thể hiện việc lấy đất. Gia đình ông H canh tác trồng cây keo lá tràm đến năm 2001 khai thác và sau đó tiếp tục trồng keo lá tràm đến năm 2012 thì chương trình PAM kết thúc, chính quyền kê trả lại đất cho dân thì người dân tự lên lấy lại phần đất trước đây của gia đình mình, nếu trên đất có cây chưa khai thác kịp thì dân lên tự chặt cây lấy lại đất. Lúc này, do gia đình ông H còn trồng keo lá tràm trên đất nên gia đình ông, bà yêu cầu gia đình ông H khai thác cây để trả đất nhưng gia đình ông H xin để cây lớn thêm mới khai thác. Năm 2014, gia đình ông, bà yêu cầu gia đình ông H trả đất nhưng gia đình ông H vẫn không đồng ý trả, gia đình ông, bà có ý kiến đến Ban điều hành thôn, mặc dù Ban điều hành thôn có mời các bên lên giải quyết nhiều lần nhưng không được. Sau đó, gia đình ông, bà yêu cầu Ủy ban xã H1 vẫn không thành (có giấy mời ngày 20/11/2014). Gia đình ông, bà tranh chấp đất từ năm 2014 nhưng năm 2016 gia đình ông H được UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 795769 ngày 16/02/2016 đối với diện tích đất tranh chấp này. Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 795769 ngày 16/02/2016 của UBND huyện H khi đất đang có tranh chấp là không đúng quy định pháp luật.

Do đó, bị đơn có yêu cầu phản tố, cụ thể: Yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 795769 do UBND huyện H cấp cho hộ ông Trần H ngày 16/02/2016.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Minh D2, Nguyễn Minh D3, Nguyễn Minh G1 do bà Đoàn Thị T trình bày: Thống nhất với ý kiến trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

2. Bà Nguyễn Thị T2, ông Nguyễn Tấn Đ và bà Cao Thị V: Thống nhất với ý kiến trình bày và yêu cầu phản tố của bị đơn.

3. UBND huyện H có ý kiến tại Công văn số 1887/UBND ngày 27/7/2018:

Thửa đất số 348, diện tích 13.823,1m² có nguồn gốc là đất nằm trong quy hoạch 03 loại rừng do Ban Q quản lý. Ngày 13/7/2007, Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 674/QĐ-UBND, về việc điều chỉnh quy hoạch 03 loại rừng. Ngày 29/6/2012, Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 1264/QĐ-UBND thu hồi và giao đất đã điều chỉnh ra ngoài quy hoạch 03 loại rừng theo Quyết định số 674/QĐ-UBND cho UBND huyện H bố trí đất sản xuất cho các hộ dân thiếu đất. Ngày 15/01/2016, UBND huyện H ban hành Quyết định số 218/QĐ-UBND giao diện tích 13.823,1m² đất cho hộ ông Trần H. Mặt khác, theo hồ sơ đề nghị giao đất, Hội đồng tư vấn UBND xã H xét tính pháp lý thửa đất 348, diện tích 13.823,1m² do hộ ông Trần H sử dụng ổn định từ năm 1990 cho đến nay. Diện tích đất này không đưa vào Hợp tác xã, không ai kê khai đăng ký quyền sử dụng đất và không có một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất trước khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông H. Trình tự, thủ tục và nội dung cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 795769 ngày 16/02/2016 đứng tên hộ ông Trần H đối với thửa đất 348, diện tích 13.823,1m² đất trồng cây lâu năm là đúng theo quy định của Luật Đất đai.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2023/DS-ST ngày 13 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, quyết định:

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần H, bà Đoàn Thị T về việc yêu cầu Tòa án giải quyết:

1.1. Buộc vợ chồng ông Nguyễn L, bà Trần Thị C và ông Nguyễn Tuấn K trả lại 3.175,1m² thuộc thửa 348, tờ bản đồ số 35, tọa lạc tại thôn G, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận (được giới hạn bởi các mốc tọa độ 3-16-15-17-9-11-10 theo Chính lý bản đồ vị trí khu đất tranh chấp do Chi nhánh Văn phòng Đ1 đo vẽ và xác nhận ngày 14/7/2022);

1.2. Buộc ông Nguyễn Tuấn K bồi thường thiệt hại tài sản 06 cây đào trị giá 3.000.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần H, bà Đoàn Thị T:

2.1. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Tuấn K, bà Nguyễn Thị T2 và vợ chồng ông Nguyễn Tấn Đ, bà Cao Thị V tháo dỡ toàn bộ các tài sản trên phần diện tích 9.588,1m² đất thuộc thửa 348, tờ bản đồ số 35, tọa lạc tại thôn G, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận (Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 795769 do UBND huyện H cấp cho hộ ông Trần H ngày 16/02/2016);

2.2. Buộc vợ chồng ông Nguyễn L, bà Trần Thị C, vợ chồng ông Nguyễn Tuấn K, bà Nguyễn Thị T2 và vợ chồng ông Nguyễn Tấn Đ, bà Cao Thị V trả lại cho gia đình ông Trần H, bà Đoàn Thị T 9.588,1m² đất thuộc thửa 348, tờ bản đồ số 35, tọa lạc tại thôn G, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận (Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 795769 do UBND huyện H cấp cho hộ ông Trần H ngày 16/02/2016);

2.3. Phần diện tích 9.588,1m² nêu tại mục 2.1 và 2.2 nêu trên được giới hạn bởi các mốc tọa độ 3-4-5-6-7-8-12-14-9-17-15-16 theo Tờ chính lý bản đồ vị trí khu đất tranh chấp do Chi nhánh Văn phòng Đ1 đo vẽ và xác nhận ngày 14/7/2022 (đính kèm).

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của vợ chồng bị đơn ông Nguyễn L, bà Trần Thị C và ông Nguyễn Tuấn K, về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 795769 do UBND huyện H cấp cho hộ ông Trần H ngày 16/02/2016.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng, việc thi hành án và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

* Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 15/3/2023, ông Nguyễn Tuấn K kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện theo ủy quyền của người kháng cáo bị đơn – ông Nguyễn Tuấn K giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Đồng thời đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án dân sự sơ thẩm. Lý do, có vi phạm nghiêm trọng tố tụng đưa thiếu người tham gia tố tụng của hộ ông Trần H; giải quyết vượt quá yêu cầu khởi kiện đối với vợ chồng ông Nguyễn Tấn Đ, bà Cao Thị V và giải quyết án phí không đúng quy định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

Tại phiên tòa, các đương sự vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Thấy rằng các đương sự đã được tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần; Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định pháp luật.

[2]. Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn Nguyễn Tuấn K, thấy rằng:

[2.1]. Tại phiên tòa sơ thẩm, các đương sự thống nhất chỉ còn tranh chấp 01 phần đất theo đo đạc thực tế có tổng diện tích 9.588,1m² thuộc thửa 348, tờ bản đồ số 35, tọa lạc tại thôn G, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận (Có vị trí khu đất tranh chấp do Chi nhánh Văn phòng Đ1 đo vẽ và xác nhận ngày 14/7/2022). Riêng đối với phần diện tích 3.175,1m² nguyên đơn đã rút yêu cầu và được Tòa sơ thẩm chấp nhận và đình chỉ.

Phía bị đơn kháng cáo cho rằng diện tích đất tranh chấp 9.588,1m² đất trên có nguồn gốc là do gia đình bị đơn khai hoang vào năm 1978 và quản lý sử dụng, cất nhà ở đến nay.

Còn nguyên đơn thì cho rằng phần đất đã được UBND huyện H giao tại thửa đất số 348, diện tích 13.823,1m² (trong đó có 9.588,1m² đất tranh chấp) tại Quyết định số 218/QĐ-UBND ngày 15/01/2016.

[2.2]. Về chứng cứ, hồ sơ thể hiện:

- Phần diện tích đất các bên tranh chấp có nguồn gốc đất nằm trong quy hoạch 03 loại rừng do Ban Q quản lý.

- Ngày 13/7/2007, Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 674/QĐ-UBND, về việc điều chỉnh quy hoạch 03 loại rừng.

- Đến ngày 29/6/2012, Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 1264/QĐ-UBND thu hồi và giao đất đã điều chỉnh ra ngoài quy hoạch 03 loại rừng theo Quyết định số 674/QĐ-UBND cho UBND huyện H bố trí đất sản xuất cho các hộ dân thiếu đất.

- Ngày 15/01/2016, UBND huyện H ban hành Quyết định số 218/QĐ-UBND giao diện tích 13.823,1m² đất cho hộ ông Trần H.

- Theo hồ sơ đề nghị giao đất của Hội đồng tư vấn UBND xã H thể hiện: thửa đất 348 do hộ ông Trần H sử dụng ổn định từ năm 1990 cho đến nay. Diện tích đất này không đưa vào Hợp tác xã, không ai kê khai đăng ký quyền sử dụng đất và không có một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất trước khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông H.

[2.3]. Như vậy, xét về chứng cứ pháp lý thì hộ gia đình của nguyên đơn đã được Nhà nước giao đất hợp pháp. Phía bị đơn không xuất trình được chứng cứ nào chứng minh được quản lý, sử dụng hợp pháp. Do đó, việc Tòa án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện, buộc các bị đơn tháo dỡ, di dời các tài sản để trả lại đất cho nguyên đơn là có căn cứ.

Quan điểm của Viện kiểm sát đề nghị bác kháng cáo, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo ông Nguyễn Tuấn K phải chịu 300.000 đồng.

[4]. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Tuấn K. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 06/2023/DS-ST ngày 13 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần H, bà Đoàn Thị T về việc yêu cầu Tòa án giải quyết:

1.1. Buộc vợ chồng ông Nguyễn L, bà Trần Thị C và ông Nguyễn Tuấn K trả lại 3.175,1m² thuộc thửa 348, tờ bản đồ số 35, tọa lạc tại thôn G, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận (được giới hạn bởi các mốc tọa độ 3-16-15-17-9-11-10 theo Chính lý bản đồ vị trí khu đất tranh chấp do Chi nhánh Văn phòng Đ1 đo vẽ và xác nhận ngày 14/7/2022);

1.2. Buộc ông Nguyễn Tuấn K bồi thường thiệt hại tài sản 06 cây đào trị giá 3.000.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần H, bà Đoàn Thị T:

2.1. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Tuấn K, bà Nguyễn Thị T2 và vợ chồng ông Nguyễn Tấn Đ, bà Cao Thị V tháo dỡ toàn bộ các tài sản trên phần diện tích 9.588,1m² đất thuộc thửa 348, tờ bản đồ số 35, tọa lạc tại thôn G, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận (Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 795769 do UBND huyện H cấp cho hộ ông Trần H ngày 16/02/2016);

2.2. Buộc vợ chồng ông Nguyễn L, bà Trần Thị C, vợ chồng ông Nguyễn Tuấn K, bà Nguyễn Thị T2 và vợ chồng ông Nguyễn Tấn Đ, bà Cao Thị V trả lại cho gia đình ông Trần H, bà Đoàn Thị T 9.588,1m² đất thuộc thửa 348, tờ bản đồ số 35, tọa lạc tại thôn G, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận (Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 795769 do UBND huyện H cấp cho hộ ông Trần H ngày 16/02/2016);

2.3. Phần diện tích 9.588,1m² nêu tại mục 2.1 và 2.2 nêu trên được giới hạn bởi các mốc tọa độ 3-4-5-6-7-8-12-14-9-17-15-16 theo Tờ chính lý bản đồ vị trí khu đất tranh chấp do Chi nhánh Văn phòng Đ1 đo vẽ và xác nhận ngày 14/7/2022 (đính kèm).

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của vợ chồng bị đơn ông Nguyễn L, bà Trần Thị C và ông Nguyễn Tuấn K, về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 795769 do UBND huyện H cấp cho hộ ông Trần H ngày 16/02/2016.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Nguyễn Tuấn K phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền đã nộp theo biên lai thu tiền số 0015282 ngày 23/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận (đã nộp xong).

5. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- Cục THADS tỉnh Bình Thuận;
- Dương sự;
- Lưu: DS VP, 25bTTLH.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chung Văn Kết

